| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VẠN NINH**<br>**TỈNH KHÁNH HÒA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày: 07 - 4 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trừ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng

2. Ông Đỗ Văn Nhã

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Phan Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa*** *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2021/TLST- DS ngày 29 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Tuyết M - sinh năm 1972; Trú tại: Tổ s, thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn N sinh năm 1978; trú tại: thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*3. Người làm chứng:* Ông Nguyễn H; trú tại: thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 16 tháng 4 năm 2021, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Tuyết M trình bày:

Bà M với ông Nguyễn N (tên gọi khác Đ) có quan hệ mua bán thức ăn chăn nuôi vịt từ năm 2014, bà M là chủ đại lý bán thức ăn cho ông N là người nuôi vịt.

Hai bên thỏa thuận phương thức mua bán là bà M bán thức ăn cho ông N đến khi ông N bán vịt (khoảng 2 tháng 10 ngày) thì sẽ thanh toán tiền cho bà M, không thỏa thuận trả lãi. Cứ như vậy ông N đã nợ bà M các khoản như sau: tính đến tháng 12/2019 hai bên chốt nợ ông N còn nợ bà M 104.169.000 đồng, tính đến ngày 01/5/2020 hai bên chốt nợ, ông N còn nợ bà M 16.998.000 đồng, tính đến ngày 26/5/2020 ông N còn nợ bà M 164.047.000 đồng. Tổng cộng tính đến ngày 26/5/2020 hai bên chốt nợ, bà M bán thức ăn cho ông N là 285.214.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng).

Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết: yêu cầu ông N trả cho bà 285.214.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) làm một lần, không yêu cầu trả lãi do chậm trả nợ.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2022, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn N trình bày:

Ông N với bà Đỗ Thị Tuyết M có quan hệ mua bán thức ăn chăn nuôi vịt từ năm 2014, ông N là người nuôi vịt mua thức ăn của bà M là chủ đại lý.

Hai bên thỏa thuận phương thức mua bán là bà M bán thức ăn cho ông N đến khi ông N bán vịt (khoảng 2 tháng 10 ngày) thì sẽ thanh toán tiền cho bà M, không thỏa thuận trả lãi. Cứ như vậy, tính đến tháng 12/2019 hai bên chốt nợ ông N còn nợ bà M 104.169.000 đồng, tính đến ngày 01/5/2020 hai bên chốt nợ, ông N còn nợ bà M 16.998.000 đồng, tính đến ngày 26/5/2020 ông N còn nợ bà M 164.047.000 đồng. Tổng cộng các khoản tính đến ngày 26/5/2020 ông N mua thức ăn của bà M là 285.214.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng).

Ông N khai sau khi hai bên chốt nợ vào ngày 26/5/2020, ông có trả cho bà M nhiều lần tiền: lần 1 trả 35.000.000 đồng, lần 2 trả 20.000.000 đồng, lần 3 trả 10.000.000 đồng; đồng thời chú ông là ông Nguyễn Hiệp thay ông trả cho bà M nhiều lần tiền: lần 1 trả 30.000.000 đồng, lần 2 trả 30.000.000 đồng, lần 3 trả 40.000.000 đồng. Ông N yêu cầu trừ số tiền 100.00.000 đồng mà ông Hiệp đã trả thay ông vào khoản nợ của bà M, ông còn nợ lại bà M 185.214.000 đồng và đồng ý trả số nợ này.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn với bị đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị Tuyết M yêu cầu ông Nguyễn N trả tiền mua bán thức ăn cho vịt, ông N có địa chỉ tại thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Người làm chứng ông Nguyễn Hiệp đã được triệu tập nhưng vắng mặt, xét thấy sự vắng mặt của ông không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về số tiền nợ, phương thức và thời hạn trả nợ: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, các tài liệu có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa; căn cứ các giấy xác nhận nợ ngày 26/5/2020, thì có cơ sở để xác định: Từ năm 2014 giữa bà M với ông N có quan hệ mua bán thức ăn nuôi vịt; theo đó bà M bán thức ăn nuôi vịt cho ông N đến khi N bán vịt (khoảng 2 tháng 10 ngày) thì sẽ thanh toán tiền cho bà M, không thỏa thuận trả lãi. Cứ như vậy ông N đã nợ bà M các khoản như sau: tính đến tháng 12/2019 hai bên chốt nợ ông N còn nợ bà M 104.169.000 đồng, tính đến ngày 01/5/2020 hai bên chốt nợ, ông N còn nợ bà M 16.998.000 đồng, tính đến ngày 26/5/2020 ông N còn nợ bà M 164.047.000 đồng. Tổng cộng tính đến ngày 26/5/2020 ông N mua thức ăn của bà M là 285.214.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng); bà M đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông N không trả.

Việc ông N không trả tiền nợ mua bán thức ăn cho bà M đã vi phạm thỏa thuận của các bên, vi phạm các quy định về nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự, gây ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản của bà M. Nên việc bà M yêu cầu ông N trả cho bà trả cho bà 285.214.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) làm một lần, không yêu cầu trả lãi do chậm trả nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

Ông N khai sau khi hai bên chốt nợ 285.214.000 đồng vào ngày 26/5/2020, chú ông là ông Nguyễn Hiệp thay ông trả cho bà M nhiều lần tiền: lần 1 trả 30.000.000 đồng, lần 2 trả 30.000.000 đồng, lần 3 trả 40.000.000 đồng, ông N yêu cầu trừ số tiền 100.00.000 đồng mà ông Hiệp đã trả thay ông vào khoản nợ của bà M, ông còn nợ lại bà M 185.214.000 đồng. Tuy nhiên ông N không có giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh việc ông Hiệp trả nợ 100.000.000 đồng cho bà M sau thời điểm chốt nợ ngày 26/5/2020; bà M khai đây là những khoản ông Hiệp trả trước khi hai bên chốt nợ vào ngày 26/5/2020, cụ thể ngày 15/8/2019 ông Hiệp trả cho bà M 30.000.000 đồng, ngày 20/8/2019 trả 30.000.000 đồng, ngày 21/10/2019 trả 40.000.000 đồng; từ khi hai bên chốt nợ ngày 26/5/2020 đến nay thì ông N không thanh toán cho bà khoản tiền nào nữa, bà không thừa nhận việc trả nợ này nên không có cơ sở xem xét việc trả nợ của ông N.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 285.214.000 đồng X 5%.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, 440; Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1.Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Nguyễn N (tên gọi khác: Đ) phải trả cho bà Đỗ Thị Tuyết M số tiền 285.214.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng).

*Qui định:* Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi  hành án một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2.Về án phí:

- Ông Nguyễn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 14.260.700 đồng (mười bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn bảy trăm đồng).

- Bà Đỗ Thị Tuyết M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà M số tiền 7.130.350đồng (bảy triệu một trăm ba mươi nghìn ba trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003112 ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh  Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh (Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu AV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Trừ**